

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SỨC SẢN ĐỒNG NAI

238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tel: (0251) 3899790 Fax: (0251) 3899102

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SỨC SẢN ĐỒNG NAI

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600267730 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 29/08/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 10/11/2016)



DOLICO

Bản Thông tin tóm tắt này được cung cấp tại:

1. CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SỨC SẢN ĐỒNG NAI

238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tel: (0251) 3899 790 Fax: (0251) 3899 102

2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT

Tầng 1-2-3-4-5, 141 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM

Tel: (028) 6299 2006 Fax: (028) 6291 7986 Website: www.vdsc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

Ông: Nguyễn Diên Tường – Giám đốc

Địa chỉ: 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Tel: (0251) 3899.790 Fax: (0251) 3899 102

MỤC LỤC

I.	CÁC KHÁI NIỆM.....	3
II.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH.....	4
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	4
2.	Cơ cấu tổ chức công ty	8
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	9
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:.....	11
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch.....	12
6.	Hoạt động kinh doanh.....	13
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	19
8.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	21
9.	Chính sách đối với người lao động.....	24
10.	Chính sách cổ tức.....	25
11.	Tình hình tài chính	26
12.	Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)	30
13.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	31
14.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch	33
15.	Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh.....	33
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty.....	33
17.	Các thông tin có thể ảnh hưởng đến giá giao dịch của cổ phiếu	33
III.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	33
1.	Hội đồng quản trị	34
2.	Ban kiểm soát.....	39
3.	Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	42
4.	Kế hoạch tăng cường quản trị công ty.....	42
IV.	PHỤ LỤC.....	43

I. CÁC KHÁI NIỆM

TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM	DIỄN GIẢI
Bản Thông tin tóm tắt	Bản Thông tin tóm tắt của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính
Công ty, Tổ chức đăng ký giao dịch, DOLICO	Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai
Tổ chức tư vấn	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt
DOFICO, Tổng Công ty	Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
TTCK	Thị trường Chứng khoán
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HDQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
BGD	Ban Giám đốc
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
BCTC	Báo cáo tài chính
CTCP	Công ty cổ phần
CTĐC	Công ty đại chúng
Giấy CN ĐKDN (ĐKKD)	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đăng ký kinh doanh)
TP	Thành phố
VĐL	Vốn điều lệ

II. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về Công ty

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SÚC SẢN ĐỒNG NAI**

Tên tiếng Anh: **DONG NAI AGRICULTURAL LIVESTOCK PRODUCT JOINT-STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **DOLICO**

Ngày trở thành CTĐC: Ngày 19/09/2018 (theo Công văn chấp thuận đại chúng số 6322/UBCK-GSĐC ngày 19/09/2018 của UBCKNN).

Người đại diện pháp luật: Ông **Nguyễn Diên Tường** – Giám đốc

Trụ sở chính: 238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Số điện thoại: (0251) 3899 790 - Số Fax: (0251) 3899 102

Website: www.dolicovn.com - Email: dolicomail@dolicovn.com

Logo:



VĐL đăng ký và thực góp: 102.639.420.000 đồng.

Giấy CN ĐKDN: Số 3600267730 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 29/08/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 10/11/2016.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu:

- Chăn nuôi lợn (*chi tiết: chăn nuôi lợn, sản xuất giống, dịch vụ thụ tinh nhân tạo*) – Mã ngành: 0145;
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi (*chi tiết: Dịch vụ khuyến nông chăn nuôi*) – Mã ngành: 0162;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (*chi tiết: Bán buôn gia súc (lợn giống, lợn thương phẩm), gia cầm (giống gia cầm, gia cầm thương phẩm, trứng), nông sản (trừ hạt điều, bông vải). Bán buôn thức ăn gia súc, thức ăn gia cầm, xuất nhập khẩu giống, thịt vật nuôi, vật tư nguyên liệu, nông sản thực phẩm, thực phẩm chế biến*) – Mã ngành: 4620;

- Bán buôn thực phẩm (*chi tiết: Bán buôn thịt gia súc gia cầm, rau củ quả và các sản phẩm chế biến từ thịt*) – Mã ngành: 4632;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (*Chi tiết: Giết mổ gia súc, gia cầm, chế biến thịt*) – Mã ngành: 1010;
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (*chi tiết: Sản xuất thức ăn gia súc*) – Mã ngành: 1080;
- Chế biến và bảo quản rau củ quả (*chi tiết: Chế biến rau, củ, quả*) – Mã ngành: 1030; ...

1.2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty cổ phần Nông súc sản Đồng Nai
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá chứng khoán: 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: NSS
- Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán: Số 82/2018/GCNCP-VSD ngày 01/10/2018 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp.
- Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch: 10.263.942 cổ phiếu.
- Giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch (tính theo mệnh giá): 102.639.420.000 đồng.
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức đăng ký giao dịch: 930.200 cổ phiếu (chiếm 9,06% V&L thực góp). Cụ thể, số lượng cổ phần do các cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nắm giữ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian đương nhiệm theo quy định tại Khoản 3 Điều 6 Điều lệ công ty là: 930.200 cổ phiếu (chiếm 9,06% V&L thực góp).
- Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài: Tuân thủ theo đúng quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, Công ty đã xác định danh mục ngành nghề kinh doanh của Công ty so với các điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài. Theo đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0% (*Công ty đã thông báo cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Công văn số 20/NSSĐN ngày 06/08/2018 được nộp kèm hồ sơ đăng ký lưu ký chứng khoán*).
- Tại thời điểm 30/07/2018, số lượng cổ phần do nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ là: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ thực góp.

1.3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Giai đoạn	Quá trình hình thành và phát triển
1978-1991	CTCP Nông Súc Sản Đồng Nai tiền thân là Công ty Chăn Nuôi Đồng Nai được thành lập ngày 17/02/1978 theo Quyết định số 97/QĐ/UBT của UBND Tỉnh Đồng Nai dưới quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Tỉnh Đồng Nai.
1992-2003	<p>Để trở thành nền kinh tế mở rộng tăng trưởng và hoà nhập với nền kinh tế thế giới, Việt Nam đã thực hiện chính sách đổi mới và chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.</p> <p>Thực hiện theo chính sách này, UBND Tỉnh Đồng Nai đã ban hành Quyết định số 2116/QĐ.UBT ngày 19/11/1992 để thành lập lại các doanh nghiệp nhà nước, trong đó có Công ty Chăn Nuôi Đồng Nai.</p>
2004 - 2005	<p>Căn cứ Công văn số 1710/CV-UBT ngày 31/03/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước năm 2004, Công ty Chăn nuôi Đồng Nai đã tiến hành các thủ tục để cổ phần hóa và chuyển đổi thành Công ty cổ phần Nông súc sản Đồng Nai.</p> <p>Ngày 04/02/2005, Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai chính thức ban hành Quyết định số 761/QĐ-CT-UBT về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa của Công ty Chăn nuôi Đồng Nai. Trên cơ sở đó, Công ty đã triển khai việc bán cổ phần theo phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt và đăng ký kinh doanh với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai.</p> <p>Ngày 29/08/2005, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai chính thức cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000269 cho CTCP Nông súc sản Đồng Nai với mức vốn điều lệ là 56.550.000.000 đồng trên cơ sở quy mô vốn điều lệ được phê duyệt tại Quyết định số 761/QĐ-CT.UBT ngày 04/02/2005. Tuy nhiên, căn cứ trên kết quả bán cổ phần thực tế, số lượng cổ phần chào bán thành công (<i>bao gồm SLCP do Nhà nước tiếp tục nắm giữ</i>) là 3.421.314 cổ phần, tương ứng vốn thực góp 34.213.140.000 đồng.</p>
2006 - 2016	Sau khi chuyển thành công ty cổ phần, trải qua quá trình hoạt động và phát triển, Công ty đã mở rộng quy mô vốn từ 34.213.140.000 đồng lên 102.639.420.000 đồng và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600267730 thay đổi lần thứ 07 ngày 10/11/2016 (chi tiết về quá trình tăng vốn trình bày tại Mục 1.4 của Bản thông tin tóm tắt này).

Trên cơ sở nhu cầu chuyển nhượng cổ phần giữa các cổ đông, đến ngày 16/07/2018, số lượng cổ đông của Công ty chính thức có trên 100 cổ đông. Thực hiện theo quy định của Luật chứng khoán, Công ty đã nộp hồ sơ đăng ký công ty đại chúng và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Công văn chấp thuận số 6322/UBCK-GSĐC ngày 19/09/2018.

2017 - nay

Ngày 30/07/2018, Công ty thực hiện chốt danh sách cổ đông để đăng ký lưu ký chứng khoán và được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 82/2018/GCNCP-VSD ngày 01/10/2018 với mã chứng khoán là NSS. Ngoài ra, hiện nay Công ty đang hoàn tất các thủ tục để đăng ký giao dịch cổ phiếu tại SGDCK Hà Nội.

1.4. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Từ khi chuyển đổi thành công ty cổ phần đến nay, CTCP Nông Súc Sản Đồng Nai đã thực hiện quá trình tăng vốn như sau:

Thời điểm	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau phát hành (đồng)	Phương thức phát hành	Cơ sở pháp lý
2005	Vốn điều lệ tại thời điểm chuyển thành công ty cổ phần: - Vốn đăng ký: 56.550.000.000. - Vốn thực góp: 34.213.140.000.		Nhà nước nắm giữ:	
			2.884.714 cổ phần;	- Quyết định số 761/QĐ-CT.UBT ngày 04/02/2005.
			Bán ưu đãi cho NLD: 75.300 cổ phần;	- Giấy ĐKKD lần đầu ngày 29/8/2005.
2010	34.213.140.000	68.426.280.000	Bán đấu giá: 461.300 cổ phần.	- Biên bản & Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 ngày 22/04/2010.
			Phát hành cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:1.	- Giấy ĐKKD thay đổi lần 2 ngày 11/10/2010.

Thời điểm	VĐL tăng thêm (đồng)	VĐL sau phát hành (đồng)	Phương thức phát hành	Cơ sở pháp lý
2016	34.213.140.000	102.639.420.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 2:1.	- Biên bản & Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 ngày 28/04/2016. - Giấy ĐKKD thay đổi lần 7 ngày 10/11/2016.

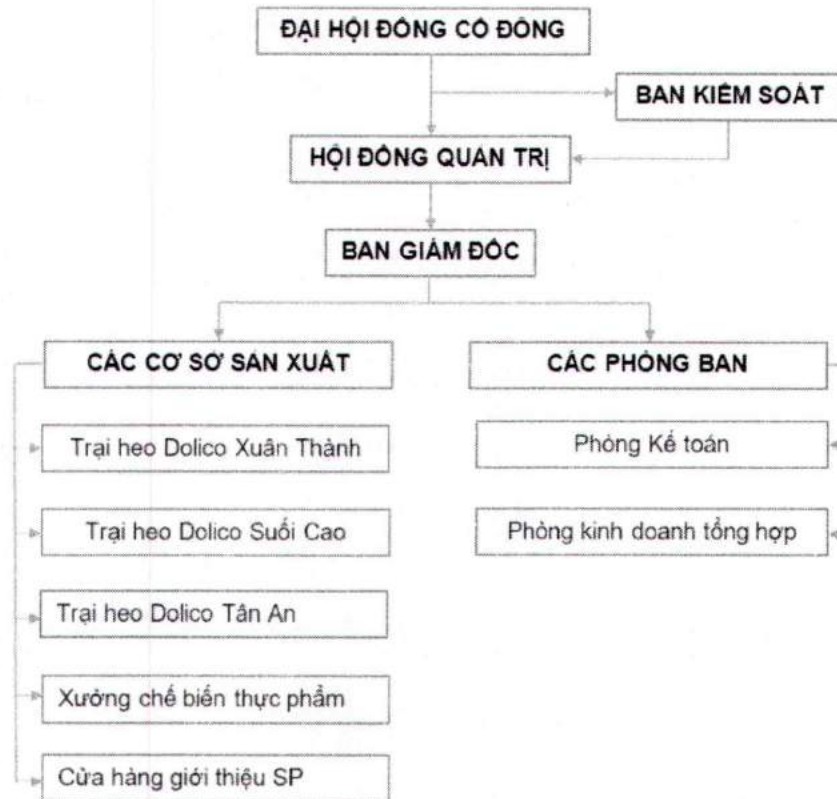
Nguồn: CTCP Nông Súc Sản Đồng Nai

2. Cơ cấu tổ chức công ty

STT	Công ty	Địa chỉ	HĐKD chính
I	Trụ sở chính	238 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	
II	Các đơn vị trực thuộc		
1	Trại heo Dolico Xuân Thành	Tổ 3 Ấp Tân Hợp xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
2	Trại heo Dolico Suối Cao	Tổ 10, Ấp Phụng Vỹ, xã Suối Cao, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
3	Trại heo Dolico Tân An	Tổ 9, Ấp Bình Chánh, Xã Tân An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	Chăn nuôi heo
4	Xưởng chế biến thực phẩm	238 Nguyễn Ái Quốc, P.Tân Hiệp, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Chế biến thức ăn
5	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm	Số 34 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Thương mại

Nguồn: DOLICO.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



Nguồn: CTCP Nông Súc Sản Đồng Nai

Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty Cổ phần với các nội dung chi tiết như sau:

3.1 Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của công ty cổ phần, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ công ty cổ phần quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của công ty cổ phần và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của công ty cổ phần.

3.2 Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty cổ phần, có toàn quyền nhân danh công ty cổ phần để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty cổ phần, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Ban Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Luật pháp, điều lệ công ty cổ phần, các quy chế nội bộ của công ty cổ phần và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

3.3 Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của công ty cổ phần. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

3.4 Ban Giám đốc

- Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trực tiếp chỉ đạo các phòng chức năng, quyết định các vấn đề tổ chức nhân sự, bố trí cán bộ, điều động nhân lực, xe máy, vật tư... và chịu trách nhiệm trước pháp luật...
- Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công trực tiếp của Giám đốc. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về công việc của mình.

3.5 Các phòng ban chức năng và đơn vị sản xuất trực thuộc

- Phòng Kế toán

Có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc toàn bộ hoạt động tài chính của Công ty tổ chức hạch toán toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh, tính giá thành sản phẩm, xác định kết quả tài chính, thực hiện các nhiệm vụ thu chi quản lý các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, đảm bảo vốn cho quá trình hoạt động sản xuất của Công ty; Lập báo cáo quyết toán quý, năm của Công ty gửi các cơ quan liên quan đúng thời hạn; Có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ các tài liệu kế toán.

- Phòng Kinh doanh tổng hợp

Tham mưu cho Giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, tham mưu các hợp đồng kinh doanh, dịch vụ, mua sắm...tham mưu các thủ tục mua sắm tài sản, xây dựng các định mức về nhiên liệu, vật tư, xe máy, thiết bị,... nghiệm thu tổng hợp khối lượng công việc thực hiện để làm biên bản xác nhận khối lượng thực hiện các đơn vị liên quan.

- Các đơn vị sản xuất trực thuộc

Các đơn vị sản xuất trực thuộc bao gồm: Trại heo Dolico Tân An, Trại heo Dolico Suối Cao, Trại heo Dolico Xuân Thành, Phân xưởng chế biến thức ăn gia súc và Cửa hàng giới thiệu sản phẩm. Các đơn vị sản xuất trực thuộc trên chịu trách nhiệm trước Ban Giám đốc về các công tác điều hành sản xuất và công tác nhân lực trong đội.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông:

4.1. Cơ cấu cổ đông Công ty

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 30/07/2018 như sau:

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	SLCP sở hữu	Tỷ lệ
1	Cổ đông trong nước	101	10.263.942	100%
	- Tổ chức	3	8.673.042	84,50%
	- Cá nhân	98	1.590.900	15,50%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	0%
	- Tổ chức	-	-	0%
	- Cá nhân	-	-	0%
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	0%
@	Tổng cộng	101	10.263.942	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông của CTCP Nông Súc Sản Đồng Nai ngày 30/07/2018

4.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại ngày 30/07/2018 như sau:

Stt	Cổ đông	CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	SLCP	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	3600253505	Số 833A Xa lộ Hà Nội, KP1, P.Long Bình Tân, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai	8.654.142	84,32
2	Lê Thị Khánh Xương	023006959	19.06 Lô B C/cư An Khang - Xa lộ Hà Nội - P.An Phú - Q.2-TPHCM	810.000	7,89
@	TỔNG CỘNG			9.464.142	92,21

Nguồn: Danh sách cổ đông của CTCP Nông Súc Sản Đồng Nai ngày 30/07/2018

4.3. Danh sách và tỷ lệ cổ phần nắm giữ của cổ đông sáng lập

Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000269 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 29/08/2005. Theo quy định tại Luật doanh nghiệp, đến nay, việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phiếu phổ thông của các cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những công ty mà tổ chức đăng ký giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch

5.1. Công ty mẹ của CTCP Nông Súc Sản Đồng Nai

Tên tổ chức: **TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM ĐỒNG NAI – MỘT THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH**

Địa chỉ: Số 833A, Xa lộ Hà Nội, Khu Phố 1, Phường Long Bình Tân, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (0251) 3836 110 - Fax: (0251) 3836 132

Vốn điều lệ đăng ký: 3.035.078.019.542 đồng

Vốn điều lệ thực góp: 3.035.078.019.542 đồng

Vốn góp tại DOLICO: 86.541.420.000 đồng, chiếm 84,32% vốn điều lệ.

Giấy CN ĐKDN: Số 3600253505 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp đăng ký lần đầu ngày 01/07/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 06/07/2018.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu:

- + Đầu tư trồng trọt, thu mua, chế biến thuốc lá nguyên liệu cho sản xuất thuốc lá điếu, kinh doanh và xuất khẩu. Sản xuất, mua bán, xuất khẩu thuốc lá điếu các loại. Nhập khẩu trực tiếp các loại nguyên, phụ liệu, vật tư, máy móc thiết bị, phụ tùng thay thế cho sản xuất thuốc lá. Sản xuất, mua bán và xuất khẩu các loại bao bì, vật tư phụ liệu cho sản xuất thuốc lá. Sản xuất, mua bán và xuất khẩu các loại bao bì, vật tư phụ liệu cho sản xuất thuốc lá;
- + Kinh doanh và cho thuê kho bãi, nhà xưởng, tài sản, nhà cửa. Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác. Giết mổ gia cầm, gia súc. Chế biến thịt gia súc, gia cầm đóng gói và đóng hộp. Trồng cây nông nghiệp, cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả. Dịch vụ cung ứng phân bón, thuốc trừ sâu. Chăn nuôi heo, gà, vịt, cá, tôm. Dịch vụ hỗ trợ trồng trọt và chăn nuôi. Chế biến nông sản và sản xuất thực phẩm chăn nuôi;
- + In ấn. Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu nông nghiệp kỹ thuật cao, hạ tầng khu dân cư. Kinh doanh bất động sản. Đầu tư kinh doanh khu du lịch. Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa. Sản xuất thực phẩm khác.

5.2. Công ty con của CTCP Nông Súc Sản Đồng Nai

Không có.

5.3. Những công ty mà CTCP Nông Súc Sản Đồng Nai đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP Nông Súc Sản Đồng Nai

Không có.

6. Hoạt động kinh doanh**6.1. Sản phẩm, dịch vụ của Công ty****+ Hoạt động chăn nuôi gia súc**

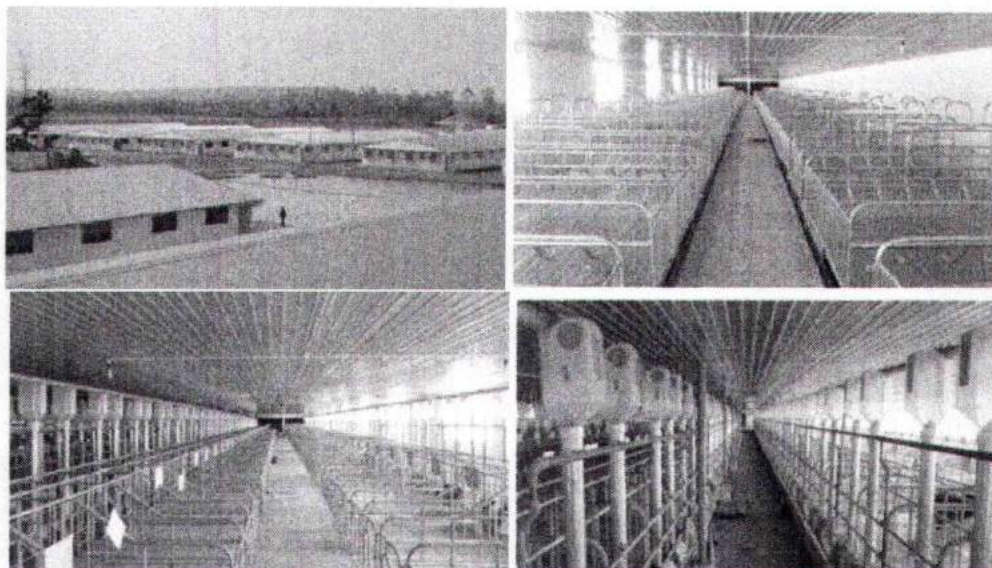
CTCP Nông súc sản Đồng Nai là doanh nghiệp chuyên hoạt động trong lĩnh vực sản xuất chăn nuôi và kinh doanh lợn giống, lợn thương phẩm và các sản phẩm chế biến từ thịt lợn. Tính đến thời điểm hiện nay, Công ty đã tích lũy hơn 25 năm kinh nghiệm hoạt động trong ngành chăn nuôi gia súc.

Với bề dày lịch sử hoạt động và phát triển, Công ty hiện đang quản lý 03 trại chăn nuôi heo, 01 xưởng chế biến thực phẩm và 01 cửa hàng giới thiệu sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai như sau:

Stt	Đơn vị trực thuộc	Vị trí	Diện tích (m ²)
1	Trại heo Dolico Xuân Thành	Tổ 3 Ấp Tân Hợp xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	320.522,5
2	Trại heo Dolico Suối Cao	Tổ 10, Ấp Phượng Vỹ, xã Suối Cao, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	229.955,0
3	Trung tâm chăn nuôi heo giống cao sản Tân An	Tổ 9, Ấp Bình Chánh, Xã Tân An, Huyện Vĩnh Cửu, Tỉnh Đồng Nai	191.283,4
4	Xưởng chế biến thực phẩm	238 Nguyễn Ái Quốc, P.Tân Hiệp, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	16.867,7
5	Cửa hàng giới thiệu sản phẩm Dolico	Số 34 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Tiến, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	487,5

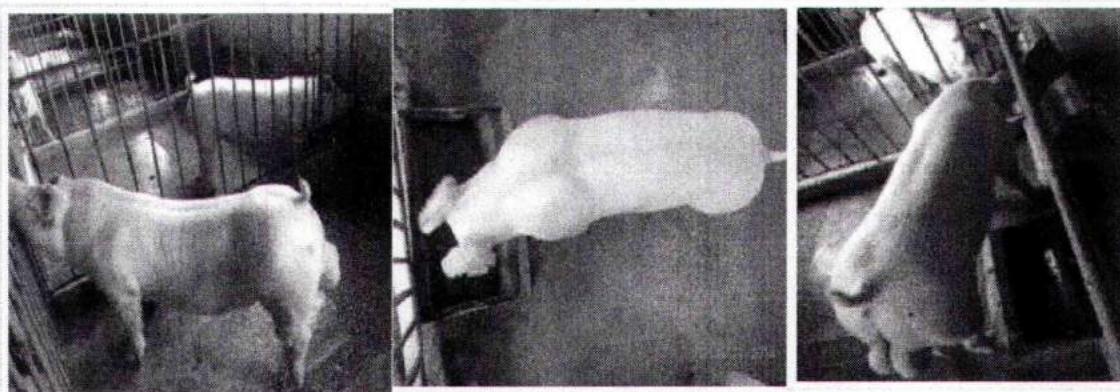
Nguồn: DOLICO.

Một số hình ảnh về chuồng trại chăn nuôi heo của DOLICO

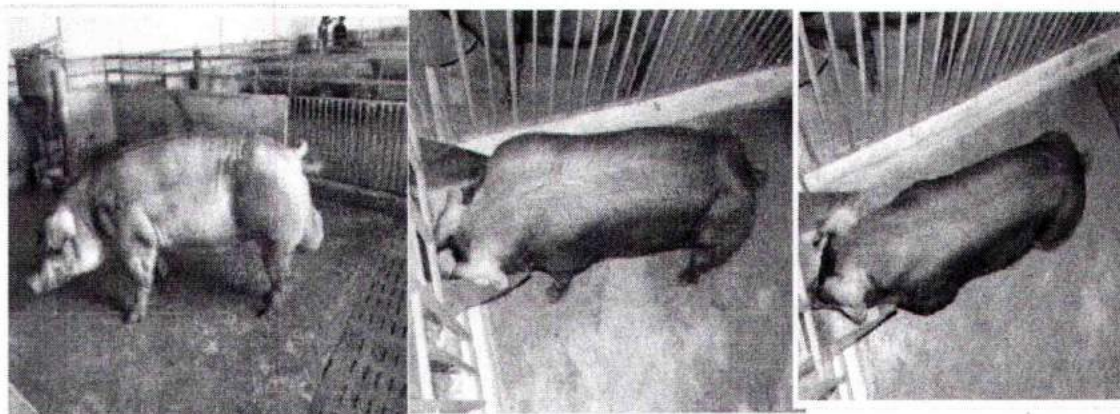


Một số hình ảnh về các loại heo của DOLICO

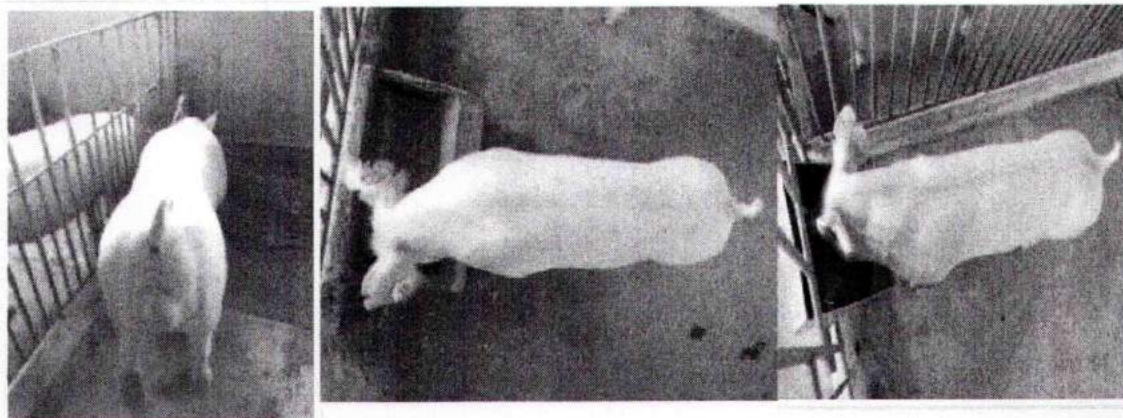
Heo đực giống thuần Landrace



Heo đực giống thuần Duroc



Heo đực giống thuần Yorkshire



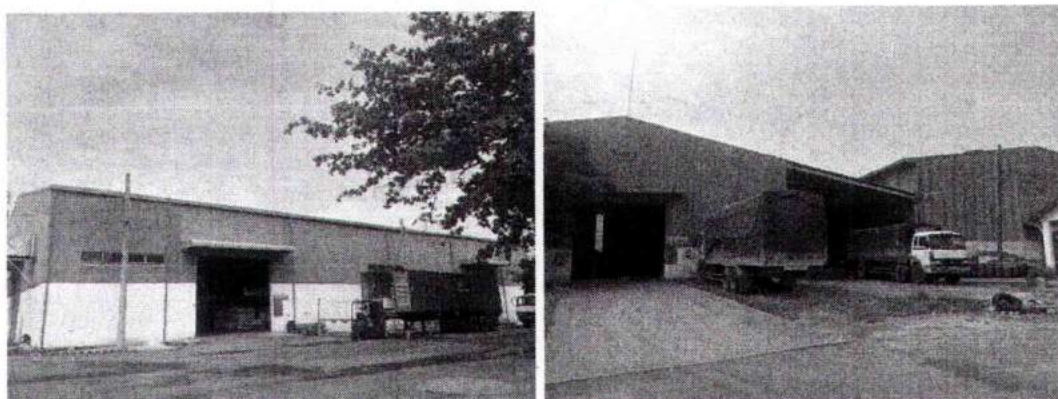
Heo con giống nuôi thịt 3 máu (20kg/con)



⬇ **Hoạt động cho thuê mặt bằng kho bãi**

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh chính là chăn nuôi gia súc nêu trên, DOLICO còn mở rộng cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng kho bãi. Hoạt động này góp phần mang lại kết quả tăng thêm cho doanh thu hằng năm của Công ty.

Một số hình ảnh về mặt bằng kho bãi cho thuê



6.2. Tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty

❖ Cơ cấu doanh thu thuần các mảng hoạt động qua các năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Doanh thu thuần	Năm 2016		Năm 2017		6T/2018	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Bán hàng	130.242.260	97,50%	118.942.028	97,70%	88.411.192	98,30%
Cung cấp dịch vụ	3.334.777	2,50%	2.794.138	2,30%	1.526.807	1,70%
Tổng cộng	133.577.037	100%	121.736.166	100%	89.937.999	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC 6 tháng năm 2018 của DOLICO

Nhìn chung, tình hình kinh tế thị trường Việt Nam đang từng bước hội nhập với thị trường khu vực và thế giới, do vậy hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị chăn nuôi nói chung và của Công ty nói riêng cũng chịu tác động nhiều mặt từ nền kinh tế thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt.

Trong giai đoạn 2016 - 2017, thị trường chăn nuôi heo trong nước gặp nhiều khó khăn do Trung Quốc đã ngưng nhập toàn diện heo sống qua đường tiểu ngạch. Bên cạnh đó, sau nhiều năm ngành chăn nuôi heo thắng lợi các doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp trong nước và hộ nông dân phát triển ồ ạt dẫn đến cung vượt cầu. Thay vì phải giảm quy mô sản lượng thì các doanh nghiệp FDI tiếp tục đầu tư chiếm lĩnh thị phần làm cho chu kỳ khủng hoảng thừa càng kéo dài thúc đẩy sự phá sản các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ và các doanh nghiệp yếu kém, tính đến cuối năm 2017, các trang trại nhỏ lẻ đã xóa sổ khoảng 70%, thay vào đó là các tập đoàn nước ngoài.

Do đó, ngành chăn nuôi trong giai đoạn qua đã chịu đợt sốc về giá bán sản phẩm, giá cả liên tục xuống thấp dưới giá thành sản xuất gây ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể, doanh thu thuần của Công ty có xu hướng giảm từ 133,58 tỷ đồng năm 2016 còn 121,74 tỷ đồng năm 2017, tương ứng giảm 8,86%. Trong đó, phần lớn doanh thu của Công ty đến từ hoạt động bán hàng, cụ thể là sản xuất và tiêu thụ heo giống và heo thịt, chiếm tỷ trọng hơn 97,5% doanh thu thuần của Công ty qua các năm. Ngoài ra, hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng kho bãi chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trên tổng doanh thu thuần, dao động từ 2,3-2,5%.

Trong những tháng đầu năm 2018, mặc dù Công ty đã cải thiện tốt về năng suất và chất lượng đàn heo, lượng khách hàng thường xuyên và số lượng lớn đã tăng lên rất nhiều so với năm 2017, tuy nhiên Công ty vẫn phải đối mặt với khó khăn là giá bán sản phẩm vẫn giảm mạnh, tình trạng cung vượt cầu vẫn còn tiếp diễn làm cho giá thịt lợn trong nước chưa thể phục hồi trong ngắn hạn. Tuy vậy, ghi nhận kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm của Công ty đã đạt được kết quả khả quan với 89,94 tỷ đồng hoàn thành 63,11% kế hoạch năm 2018 được ĐHCĐ ngày 03/10/2018 thông qua là 142,5 tỷ đồng.

❖ Cơ cấu lợi nhuận gộp các mảng hoạt động qua các năm

Đơn vị tính: ngàn đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2016		Năm 2017		6T/2018	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Bán hàng	15.344.968	11,49%	(40.619.629)	(33,37%)	4.903.004	5,45%
Cung cấp dịch vụ	2.830.732	2,12%	2.358.589	1,94%	1.526.807	1,70%
Tổng cộng	18.175.700	13,61%	(38.261.040)	(31,43%)	6.429.811	7,15%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC 6 tháng năm 2018 của DOLICO

Năm 2016, biên lợi nhuận gộp của Công ty đạt 13,61%, sang năm 2017, tỷ lệ này giảm đáng kể và đạt mức âm 31,43%, nguyên nhân chủ yếu đến từ hoạt động chăn nuôi heo. Có thể thấy hoạt động chăn nuôi của Công ty đã trải qua một năm đầy biến động đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả kinh doanh của Công ty, trong khi đó hoạt động cho thuê kho bãi vẫn duy trì ổn định và đóng góp khoảng 2% vào biên lợi nhuận gộp của Công ty.

Với tình hình khó khăn chung của thị trường chăn nuôi hiện nay, bên cạnh giá xuất bán thấp do cung vượt cầu, chi phí giá vốn hàng bán cũng ngày càng tăng cao do sự tăng giá trong các nguyên vật liệu đầu vào, chi phí phòng chống dịch bệnh,... Điều này đã khiến cho lợi nhuận gộp của Công ty giảm đáng kể và thâm hụt trong năm 2017.

Năm 2018, với việc nhận định thị trường vẫn còn nhiều khó khăn, do đó Công ty đã đặt ra kế hoạch kinh doanh thận trọng và cố gắng nỗ lực để hoàn thành mục tiêu đề ra. Theo đó, kết quả kinh doanh trong 6 tháng đầu năm đã ghi nhận những nỗ lực của Công ty thông qua mức lợi nhuận gộp đạt 6,43 tỷ đồng chiếm 7,15% doanh thu thuần, cải thiện đáng kể so với mức thâm hụt cùng kỳ năm 2017 là 19,98 tỷ đồng.

6.3. Chi phí sản xuất kinh doanh

Cơ cấu các khoản mục chi phí chủ yếu của Công ty qua các năm:

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Yếu tố chi phí	Năm 2016		Năm 2017		6T/2018	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Giá vốn hàng bán	115.401.338	86,39%	159.997.206	131,03%	83.508.188	92,85%
Chi phí bán hàng	-	-	2.600	0,002%	-	-
Chi phí QLDN	3.537.942	2,65%	2.790.126	2,29%	1.418.431	1,58%
Chi phí tài chính	125	0,0001%	51	0,00004%	70	0,0001%
Tổng cộng	118.939.405	89,04%	162.789.983	133,72%	84.926.689	94,43%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC 6 tháng năm 2018 của DOLICO

Trong giai đoạn 2016-2017, tỷ trọng chi phí hoạt động trên doanh thu thuần của Công ty tăng từ 89,04% lên 133,72%, nguyên nhân chủ yếu đến từ sự gia tăng tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần giữa hai năm phân tích.

Với đặc thù sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực chăn nuôi, giá vốn hàng bán luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất qua các năm. Trong năm 2017, chi phí nguyên liệu đầu vào của Công ty tăng cao, đặc biệt là những nguyên liệu chi phối hơn 70% giá thành như bắp, đậu nành, cám gạo, các loại premix ... đều tăng từ 15-20% so với cùng kỳ năm trước đã dẫn đến tăng giá thành sản phẩm chăn nuôi. Bên cạnh đó, vấn đề dịch bệnh diễn biến phức tạp đã làm tăng chi phí phòng chống dịch bệnh, cũng như vấn đề thời tiết khắc nghiệt khiến mùa khô kéo dài gây ra tình trạng thiếu nước khiến cho Công ty phải tăng chi phí đào hồ chứa nước và vận chuyển nước. Do đó, tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần của Công ty đã tăng mạnh từ 86,39% năm 2016 lên 131,03% năm 2017.

Về chi phí quản lý doanh nghiệp được duy trì tương đối ổn định với tỷ trọng dao động từ 2,29-2,65% trong hai năm 2016 và 2017. Ngoài ra, chi phí bán hàng và chi phí tài chính chiếm tỷ trọng không đáng kể với tỷ trọng gần như bằng 0% trên doanh thu thuần.

Trong 6 tháng đầu năm 2018, tỷ trọng giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần đã giảm đáng kể từ mức 143,14% cùng kỳ năm 2017 xuống còn 92,85%, ngoài ra chi phí quản lý doanh nghiệp cũng được kiểm soát tốt ở mức 1,58% so với tỷ trọng 2,74% cùng kỳ năm trước.

6.4. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Stt	Tên đối tác	Sản phẩm cung cấp	Giá trị hợp đồng (đồng)	Thời gian
1	Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Bình Minh	Heo giống	4.650.000.000	2018
2	Công ty TNHH Anh Hoàng Thy	Heo thịt	2.600.000.000	2018
3	Khách hàng Phan Anh	Heo thịt	15.500.000.000	2018
4	Khách hàng Nguyễn Văn Phúc	Heo thịt	25.000.000.000	2018
5	Khách hàng Nguyễn Văn Tý	Heo thịt	9.500.000.000	2018
6	Khách hàng Đoàn Thị Phương Dung	Heo thịt	26.000.000.000	2018
7	CTCP chế biến thực phẩm Hóc Môn	Heo thịt	11.200.000.000	2018
8	Các khách hàng khác	Heo thịt	17.600.000.000	2018
@	Tổng cộng		112.050.000.000	

Nguồn: CTCP Nông Súc Sản Đồng Nai

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% (+/-)	6T/2018
1	Tổng giá trị tài sản	512.845.241	305.674.152	(40,40%)	295.434.609
2	Vốn chủ sở hữu	399.385.905	282.221.262	(29,34%)	275.296.037
3	Doanh thu thuần	133.577.037	121.736.166	(8,86%)	89.937.999
4	Lợi nhuận từ HĐKD	35.376.679	(25.445.798)	-	8.478.124
5	Lợi nhuận khác	1.540.354	766.853	(50,22%)	36.364
6	Lợi nhuận trước thuế	36.917.033	(24.678.945)	(166,85%)	8.514.488
7	Lợi nhuận sau thuế	30.159.546	(24.678.945)	(181,83%)	8.514.488
8	Giá trị sổ sách (đồng/cổ phần)	38.912	27.496	(29,34%)	26.822

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC 6 tháng 2018 của DOLICO

Với tình hình chung đã diễn ra đối với ngành chăn nuôi heo Việt Nam, năm 2017 là một năm cực kỳ khó khăn đối với các doanh nghiệp trong ngành nói chung và DOLICO nói riêng. Tình hình cung vượt cầu dẫn đến tình trạng bán không người mua và giá bán một số tháng trong năm giảm còn ½ giá thành sản xuất. Do đó, tất cả các doanh nghiệp và hộ nông dân đều thua lỗ nặng nề.

Nguyên nhân dẫn đến tình hình khó khăn chung của thị trường chủ yếu đến từ sự phát triển nhanh chóng của các doanh nghiệp trong nước và hộ nông dân trong ngành dẫn đến tình trạng cung vượt cầu, bên cạnh đó thị trường nhập khẩu tiểu ngạch heo sống của Trung Quốc ngưng mua toàn diện do giá thịt lợn tại thị trường Trung Quốc ngày càng xuống thấp có thể ngang bằng hoặc thấp hơn thị trường Việt Nam.

Không tránh khỏi những tác động tiêu cực của thị trường, kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2017 với mức lỗ 24,68 tỷ đồng, giảm đáng kể so với giá trị lợi nhuận đã đạt được trong năm 2016 là 30,16 tỷ đồng.

7.1. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

➤ Thuận lợi:

- Là đơn vị thành viên của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai, do đó Công ty luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, hỗ trợ từ Tổng Công ty. Ngoài ra, đội ngũ lao động của Công ty cần cù có nhiều kinh nghiệm và đặc biệt là bộ máy lãnh đạo của Công ty vững vàng, có kinh nghiệm và chấp nhận gắn bó lâu dài với Công ty dù cho tình hình hiện nay rất khó khăn;
- Sản phẩm của Công ty có thương hiệu và có uy tín trên thị trường nên việc tiêu thụ sản phẩm được diễn ra thuận lợi; bên cạnh đó, Công ty cũng mở rộng nhiều hình thức tiếp thị quảng bá thương hiệu sản phẩm của DOLICO, từ đó nhiều khách hàng tin dùng và đã lựa chọn sản phẩm của Công ty;
- Công ty có tiềm năng tài chính vững vàng nên không phải vay vốn ngân hàng mà còn có thu nhập từ lãi suất tiền gửi;
- Ban Giám đốc Công ty năng động luôn chủ động ứng phó kịp thời với những diễn biến của thị trường để đề ra những giải pháp sát thực nhằm giảm thiểu những thiệt hại và luôn đồng hành cùng người lao động tại cơ sở, từ đó có sự chỉ đạo, điều hành sản xuất cho phù hợp với điều kiện của từng cơ sở để ổn định sản xuất, tạo sự an tâm tin tưởng cho người lao động;
- Trong năm 2017, mặc dù rất khó khăn nhưng Công ty vẫn đảm bảo ổn định thu nhập cho người lao động, từ đó đã phát huy được tinh thần đoàn kết, an tâm công tác cùng đồng cam chịu khổ vượt qua giai đoạn khó khăn hiện nay của Công ty.

✦ **Khó khăn:**

- Các cơ sở chăn nuôi chính của Công ty là các trại heo đóng trên địa bàn huyện Xuân Lộc là chuồng kín mới đầu tư cho nên việc chi phí vận chuyển và khấu hao ngày càng tăng. Khí hậu thời tiết ngày một khắc nghiệt, mùa khô thiếu nước, nắng nóng ảnh hưởng lớn đến sức khỏe đàn heo, làm giảm sút các chỉ tiêu KTKT trong chăn nuôi. Tất cả các yếu tố trên đều làm cho năng suất chăn nuôi không đạt như các năm trước;
- Với tình hình khó khăn chung trong ngành chăn nuôi thì tình hình riêng của Công ty cũng không thoát khỏi sự ảnh hưởng của thị trường, trong đó giá bán sản phẩm là vấn đề quan trọng nhất;
- Dịch bệnh diễn biến ngày càng phức tạp làm tăng chi phí về thuốc thú y phòng chống dịch bệnh trong chăn nuôi;
- Ngành chăn nuôi nói chung và chăn nuôi heo nói riêng chịu sự cạnh tranh gay gắt của các tập đoàn chăn nuôi có vốn đầu tư nước ngoài, các trang trại tư nhân phát triển đáng kể khiến cho khối lượng sản phẩm sản xuất vượt quá lượng cầu của thị trường, từ đó dẫn đến giá bán sản phẩm không ổn định;
- Quy định về môi trường đối với chăn nuôi ngày càng khắt khe. Tiêu chuẩn nước thải phải đạt tiêu chuẩn QCVN 62-MT/BTNMT. Do vậy Công ty phải đầu tư hệ thống xử lý nước thải tại 3 trại: Trại Suối Cao, trại Xuân Thành, trại Tân An.

8. **Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

8.1. **Vị thế của công ty trong ngành**

- Tiền thân là công ty thuộc sở hữu 100% vốn nhà nước sau khi cổ phần hóa theo Quyết định số 761/QĐ-CT-UBT ngày 04/02/2005 của UBND tỉnh Đồng Nai với việc nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ, chính vì thế Công ty luôn được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai. Đây là điều kiện thuận lợi lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm qua.
- Công ty Cổ phần Nông Sản Đồng Nai là một trong những doanh nghiệp có đàn heo giống và heo thịt quy mô lớn hàng đầu tại Đồng Nai và toàn quốc. Sản phẩm của Công ty có uy tín lớn và có thương hiệu trong ngành. So với các hộ chăn nuôi cá thể,

các đơn vị sản xuất khác thì Công ty Nông Súc Sản Đồng Nai có quy mô đàn heo năm 2016 là 45.970 con trong đó chiếm tỷ trọng 73,55% là heo giống và 26,45% là heo thịt với tổng trọng lượng của cả đàn là 2.423.223 kg. Năm 2017, Công ty đã sản xuất và cung cấp ra thị trường 48.933 con trong đó heo giống chiếm tỷ lệ 22,49% và heo thịt chiếm tỷ lệ 77,51% với tổng tỷ trọng là 4.402.652 kg. Với giá thành sản phẩm có sức cạnh tranh tương đối cao và chất lượng uy tín so với các sản phẩm chăn nuôi khác trên thị trường, Công ty Nông Súc Sản Đồng Nai là thương hiệu chăn nuôi luôn được người tiêu dùng tin tưởng và đánh giá cao.

8.2. Triển vọng phát triển của ngành

- Chăn nuôi lợn là ngành sản xuất không thể thiếu trong nông nghiệp Việt Nam bởi sản xuất thịt lợn chiếm xấp xỉ 2/3 tổng sản lượng thịt hàng năm. Nhìn chung, qua các năm lượng thịt tiêu thụ tăng khá đều. Giai đoạn 2008-2014 trung bình tiêu thụ thịt tăng 3,13% mỗi năm. Trong thói quen tiêu thụ thịt của người tiêu dùng Việt Nam, heo vẫn là sản phẩm thịt chủ lực và được dự báo vẫn sẽ chiếm phần lớn trong tổng lượng tiêu thụ. Năm 2009, 71% lượng thịt tiêu thụ là thịt heo, đến năm 2012 giảm còn 67,6%, dự báo đến năm 2021 còn 65,2%.
- Thói quen mua các sản phẩm tiêu dùng nói chung của người dân Việt Nam vẫn là từ các nhà bán lẻ theo kiểu truyền thống bao gồm các tiểu thương ở chợ truyền thống, cửa hàng bán lẻ quy mô nhỏ. Đó là lý do vì sao thịt heo vẫn được ưa thích tiêu thụ theo kiểu nóng, nhanh, phần nào hạn chế cạnh tranh từ thịt heo đông lạnh nhập khẩu. Người tiêu dùng Việt Nam phần lớn chưa quen việc tiêu thụ thịt làm mát hay đông lạnh mà giữ thói quen dùng thịt trong ngày và mua tại các chợ. Khác với thịt gà, thịt bò gần đây bắt đầu có các sản phẩm được đóng gói công nghiệp và bảo quản đông lạnh tại các siêu thị, thịt heo bày bán tươi của các tiểu thương vẫn được ưa chuộng. Phần đông người nội trợ lựa chọn thịt heo qua màu sắc, mùi và độ dẻo, độ nạc trong khi ít người quan tâm đến nguồn gốc, xuất xứ, do phần lớn thịt heo không được đóng gói và trưng bày thông tin theo kiểu công nghiệp.
- Vốn là nước sản xuất – tiêu dùng thịt lợn lớn nhất thế giới, thị trường thịt lợn Trung Quốc thu hút sự chú ý đặc biệt của các nhà xuất khẩu trên toàn cầu. Trong những năm gần đây, nguồn cung thịt lợn nội địa của Trung Quốc suy giảm, trong khi nhu cầu vẫn

tăng mạnh, khiến nước này ngày càng thu hút nhập khẩu. Các nước xuất khẩu thịt lợn, bao gồm Việt Nam, đã thu trái ngọt từ sự tăng mạnh lượng nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc trong năm 2015 và đầu năm 2016.

- Giữa năm 2016, Trung Quốc giảm nhập khẩu lợn tiểu ngạch từ Việt Nam. Nhiều hộ chăn nuôi không kịp điều chỉnh quy mô đàn lợn nái đúng thời điểm, dẫn đến tình trạng dư cung lợn sống tại Việt Nam bùng nổ vào khoảng 7,05 triệu con vào cuối năm 2016. Tình trạng dư cung nghiêm trọng này dẫn đến giảm mạnh giá lợn công trại và gây thiệt hại nghiêm trọng cho nhiều hộ chăn nuôi lợn.
- Mặc dù tình hình hiện nay đã cải thiện tốt về năng suất và chất lượng đàn heo, lượng khách hàng thường xuyên và số lượng lớn đã tăng lên rất nhiều so với năm 2017, tuy nhiên những tháng đầu năm 2018 nhiều công ty vẫn còn đối mặt với các khó khăn là giá bán sản phẩm giảm giá mạnh, tình trạng cung vượt cầu vẫn còn tiếp diễn trên thị trường tiêu thụ heo giống, heo thịt chịu ảnh hưởng từ các nước láng giềng như Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan do giá cũng đang giảm mạnh đã tác động lên giá cả tiêu thụ trong nước làm cho giá thịt lợn trong nước chưa thể phục hồi trong ngắn hạn.
- Dự báo tiêu dùng thịt lợn nội địa tại thị trường Việt Nam sẽ tăng ổn định lên 2,68 triệu tấn thịt lợn hơi trong năm 2018. Với nhiều rào cản để đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt của GlobalGAP, ngành chăn nuôi lợn Việt Nam sẽ phải vượt qua nhiều khó khăn để có thể cạnh tranh xuất khẩu. Xuất khẩu sang các thị trường láng giềng vẫn sẽ chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng sản xuất chăn nuôi lợn nội địa, duy trì ổn định ở mức xấp xỉ 18.000 tấn thịt lợn hơi trong năm 2018. Những khó khăn trong xuất khẩu lợn tiểu ngạch dự báo sẽ tiếp diễn, dự báo xuất khẩu lợn sống tiểu ngạch của Việt Nam năm 2018 chỉ đạt 2,41 triệu con, tương đương 6.600 con/ngày. Đồng thời, các cơ sở chăn nuôi quy mô thương mại và khép kín sẽ tăng cường sản xuất và tái đầu tư đàn lợn nái với tốc độ chậm hơn trong năm 2018 nên nguồn cung lợn sẽ tăng lên 40,48 triệu con, và lượng lợn dư cung sẽ được giảm thiểu xuống chỉ còn khoảng 100.000 con.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1. Số lượng người lao động trong Công ty tại ngày 20/07/2018

Stt	Trình độ lao động	Số lượng (người)	Cơ cấu
1	Trình độ đại học	12	10,71%
2	Trình độ cao đẳng	2	1,79%
3	Trình độ trung cấp	17	15,18%
4	Lao động phổ thông	81	72,32%
@	Tổng cộng	112	100%

Nguồn: CTCP Nông Súc Sản Đồng Nai

9.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

+ Chính sách nhân sự chung:

- Tất cả CBCNV của Công ty đều được ký hợp đồng lao động, được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, đều được nghỉ phép năm theo chế độ của nhà nước hiện hành, được xét lên lương khi đến kỳ hạn và các chế độ khác theo quy định.
- Tổ chức hội thảo chuyên kỹ thuật từng quý để nâng cao kiến thức kỹ thuật chăn nuôi mới cho bộ phận kỹ thuật và người lao động tại cơ sở sản xuất. Khuyến khích người lao động trong Công ty phấn đấu học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ lâu dài cho đơn vị.
- Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất lẫn tinh thần của người lao động và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ công nhân viên làm việc. Cụ thể, hàng năm Công ty tổ chức thăm hỏi cán bộ công nhân viên có việc ma chay, hiếu, hỷ; đến thăm và vận động quyên góp giúp đỡ cho các gia đình cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn,... Ngoài ra, hàng năm Công ty còn tổ chức tham quan, học tập, tổ chức các hoạt động phong trào văn hóa, thể thao... nhằm giúp nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

+ Chính sách lương thưởng:

- Trên cơ sở nhận thức con người là yếu tố quyết định sự thành công của doanh nghiệp. Do đó, muốn giữ được con người nhất là công nhân có tay nghề cao thì cần có chính sách đãi ngộ mà cụ thể là chính sách tiền lương phải tốt. Để đảm bảo tính công bằng và hợp lý trong tiền lương, Công ty đã xây dựng quy chế trả lương, thưởng được quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm.

- Công ty đảm bảo ổn định thu nhập cho người lao động tại các cơ sở sản xuất. Mức lương bình quân hiện nay của Công ty là 7.850.000 đồng/người/tháng.

↳ **Chính sách đào tạo phát triển:**

Công ty có chính sách phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo kỹ năng - chuyên môn trong suốt quá trình làm việc nhằm mục đích:

- + Cập nhật kiến thức mới cho nhân viên, giúp nhân viên áp dụng thành công khi có các thay đổi về công nghệ trong doanh nghiệp;
- + Khuyến khích, động viên nhân viên, đáp ứng nhu cầu phát triển của nhân viên;
- + Đào tạo nhằm không ngừng hoàn thiện và nâng cao kỹ năng chuyên môn của nhân viên để đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của công việc, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ Điều lệ công ty, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị kiến nghị và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Theo đó, tỷ lệ chi trả cổ tức (tính trên vốn điều lệ) của Công ty qua các năm như sau:

Năm	Tỷ lệ cổ tức	Hình thức
2016	96,49% ⁽¹⁾	Bằng tiền (đã thanh toán)
2017	90% ⁽²⁾	Bằng tiền (đã thanh toán)
2018	15% ⁽³⁾	Bằng tiền (đã thanh toán)
	100% ⁽⁴⁾	Bằng tiền (chưa thanh toán)

Nguồn: Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2016 ngày 28/04/2016, Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2017 ngày 25/4/2017, Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2018 ngày 04/05/2018 của DOLICO.

- (1) Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2016 ngày 28/04/2016 đã thông qua tỷ lệ chia cổ tức là 15%, tương ứng 1.500 đồng/cổ phần, ngày 19/12/2016, HĐQT đã ban hành Quyết định số 08/QĐ-HQĐT về việc chia tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 với thời gian thực hiện từ 19/12/2016 đến 31/12/2016. Ngoài ra, căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2017 ngày 25/04/2017 đã thông qua việc chi trả thêm cổ tức cho cổ đông với tỷ lệ 81,49%, tương ứng 8.149,38 đồng/cổ phần. Trên cơ sở đó, HĐQT đã ban hành Quyết định số 14/QĐ-HQĐT ngày 19/06/2017 v/v chi trả cổ tức đợt 2 năm

2016 với thời gian thực hiện từ 20/06/2017 đến 30/06/2017. Như vậy, tổng tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2016 là 96,49%, trong đó tỷ lệ chi trả cổ tức đợt 1 là 15% và tỷ lệ chi trả cổ tức đợt 2 là 81,49%.

- (2) Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 ngày 25/04/2017 thông qua việc trích Quỹ đầu tư phát triển chuyển sang phân phối lợi nhuận chia cổ tức cho các cổ đông trong năm 2017 với mức cổ tức 9.000 đồng/cổ phần (tương ứng tỷ lệ chia cổ tức là 90%), ngày 18/09/2017, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 04-2017/NQ-HĐQT để thực hiện chia cổ tức cho cổ đông với thời gian thực hiện là 04/11/2017.
- (3) Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 04/05/2018 thông qua việc trích Quỹ đầu tư phát triển chuyển sang phân phối lợi nhuận chia cổ tức cho các cổ đông trong năm 2018 với mức cổ tức 1.500 đồng/cổ phần (tương ứng tỷ lệ chia cổ tức là 15%), ngày 12/06/2018, HĐQT đã ban hành Quyết định số 03/QĐ-HĐQT để thực hiện chia cổ tức cho cổ đông với thời gian thực hiện từ 15/06/2018 đến 30/06/2018.
- (4) Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 03/10/2018, ĐHĐCĐ đã thông qua việc trích Quỹ đầu tư phát triển chuyển sang lợi nhuận chưa phân phối để chia cổ tức đợt 2 năm 2018. Theo đó, tỷ lệ chia cổ tức đợt 2 năm 2018 là 100%, tương đương 10.000 đồng/cổ phần, và thời gian thực hiện chia cổ tức trong quý IV năm 2018.

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu cơ bản

11.1.1. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	05 – 30 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10 năm
Quyền sử dụng đất	03 – 05 năm

11.1.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ. Hiện nay, Công ty không có nợ quá hạn.

11.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản phải nộp ngân sách tại ngày 31/12/2016, 31/12/2017 và 30/06/2018 như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017	30/06/2018
1	Thuế giá trị gia tăng	32.788	25.004	28.340
2	Thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.907.487	-	-
3	Thuế thu nhập cá nhân	122.004	2.116	128.982
@	TỔNG CỘNG	6.062.279	27.120	157.322

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC 6 tháng năm 2018 của DOLICO.

11.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định và theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Hàng năm lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Số dư các quỹ tại ngày 31/12/2016, 31/12/2017 và 30/06/2018 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	CHỈ TIÊU	31/12/2016	31/12/2017	30/06/2018
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	14.411.745	9.610.381	6.943.179
2	Quỹ đầu tư phát triển	296.746.485	204.371.007	164.296.149
@	TỔNG CỘNG	311.158.230	213.981.388	171.239.328

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC 6 tháng năm 2018 của DOLICO.

11.1.5. Tổng dư nợ vay

Cho đến thời điểm ngày 31/12/2017, Công ty không phát sinh các khoản vay ngắn và dài hạn.

11.1.6. Tình hình công nợ

- Các khoản phải thu

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	30/06/2018
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	5.200.980	4.975.795	4.053.594
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	162.650	674.162	196.480
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.244.412	3.019.927	3.730.108
3	Phải thu ngắn hạn khác	3.793.918	1.281.706	127.005
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	5.200.980	4.975.795	4.053.594

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC 6 tháng năm 2018 của DOLICO.

- Các khoản phải trả

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	30/06/2018
I	Nợ ngắn hạn	111.523.336	21.726.890	18.517.571
1	Phải trả người bán ngắn hạn	4.551.570	8.220.608	7.427.759
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	44.047	66.627
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.062.279	27.120	157.322
4	Phải trả người lao động	2.230.309	3.134.521	3.221.127
5	Phải trả ngắn hạn khác	84.267.434	690.213	701.557
6	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	14.411.745	9.610.381	6.943.179
II	Nợ dài hạn	256.000	256.000	256.000
1	Phải trả dài hạn khác	256.000	256.000	256.000
	Tổng cộng	111.779.336	21.982.890	18.773.571

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC 6 tháng năm 2018 của DOLICO.

11.1.7. Tình hình hàng tồn kho

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	30/06/2018
1	Nguyên liệu, vật liệu	3.635.706	3.432.543	3.719.231
2	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	38.407.277	41.076.210	43.154.090

Stt	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	30/06/2018
-	Giá gốc	38.407.277	46.725.880	48.803.760
-	Dự phòng	-	(5.649.670)	(5.649.670)
	Tổng cộng	42.042.983	44.508.753	46.873.321

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC 6 tháng năm 2018 của DOLICO.

11.1.8. Tình hình đầu tư tài chính

Đơn vị tính: ngàn đồng

Stt	Khoản mục	31/12/2016	31/12/2017	30/06/2018
I	Đầu tư tài chính ngắn hạn	346.000.000	145.000.000	131.000.000
1	Tiền gửi có kỳ hạn	346.000.000	145.000.000	131.000.000
II	Đầu tư tài chính dài hạn	7.830.000	7.830.000	7.830.000
1	CTCP Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai	1.030.000	1.030.000	1.030.000
2	CTCP Đầu tư và Quản lý khu liên hợp công nông nghiệp Đồng Nai	6.800.000	6.800.000	6.800.000
	Tổng cộng	353.830.000	152.830.000	138.830.000

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC 6 tháng năm 2018 của DOLICO.

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	3,76	9,72
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
(TS ngắn hạn- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	Lần	3,38	7,67
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	21,80	7,19
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	27,99	7,79
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
+ Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho BQ	vòng	3,36	3,70
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	vòng	0,25	0,30

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	22,58	
+ Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	6,91	
+ Hệ số LNST/Tổng tài sản bình quân	%	5,74	(*)
+ Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	26,48	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của CTCP Nông Súc Sản Đồng Nai.

(*) Trong năm 2017, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không tạo ra lợi nhuận nên không đủ cơ sở để tính các chỉ tiêu về khả năng sinh lời.

12. Tài sản (Những nhà xưởng, tài sản thuộc sở hữu của công ty)

± Giá trị tài sản cố định của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2017

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Danh mục tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ (%)
I	TSCĐ hữu hình	98.724.715	56.993.656	57,73
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	85.414.149	50.230.385	58,81
2	Máy móc, thiết bị	4.078.307	1.745.260	42,79
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	9.232.259	5.018.011	54,35
II	TSCĐ vô hình	6.038.057	4.803.615	79,56
1	Quyền sử dụng đất	6.038.057	4.803.615	79,56
@	Tổng cộng	104.762.772	61.797.271	58,99

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của CTCP Nông Súc Sản Đồng Nai

± Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại thời điểm 31/12/2017

Đơn vị tính: ngàn đồng

STT	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Giá trị
I	Xây dựng cơ bản dở dang	466.823
1	Dự án XD khu dân cư Dolico xã Thạnh Phú	250.580
2	Chi phí đầu tư xây dựng khác	216.243
II	Mua sắm TSCĐ	8.925.605

STT	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Giá trị
1	Chi phí chuyển nhượng QSDĐ tại Ấp Tân Hữu, xã Xuân Thành, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai	8.925.605
@	Tổng cộng	9.392.428

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của CTCP Nông Súc Sản Đồng Nai

13. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

13.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2018 và năm 2019

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của CTCP Nông Súc Sản Đồng Nai đối với ngành kinh doanh, lợi thế cạnh tranh của Công ty và tiềm năng phát triển thị trường, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty năm 2018 và năm 2019 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2017	Năm 2018			Năm 2019	
		KH2018 theo NQ ĐHĐCĐ ngày 4/5/2018	KH2018 theo NQ ĐHĐCĐ 3/10/2018	% (+/-) /TH2017	KH2019	% (+/-) /KH2018
Vốn điều lệ	102.639	102.639	102.639	-	102.639	-
Doanh thu thuần	121.736	115.000	142.500	17,06%	135.000	(5,26%)
Lợi nhuận sau thuế	(24.679)	(5.300)	10.000	-	8.000	(20%)
Tỷ lệ LNST/DTT	(20,27%)	(4,61%)	7,02%	-	5,93%	(15,53%)
Tỷ lệ LNST/VBL	(24,04%)	(5,16%)	9,74%	-	7,79%	(20,02%)
Tỷ lệ cổ tức	90%	15%	115%	27,78%	7%	(93,91%)

Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 ngày 04/05/2018, Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 03/10/2018 và kế hoạch kinh doanh năm 2019 của HĐQT CTCP Nông Súc Sản Đồng Nai.

Với những diễn biến bất ổn trên thị trường chăn nuôi heo, trên cơ sở thận trọng, Hội đồng quản trị Công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2019 lần lượt là 135 tỷ đồng và 8 tỷ đồng, giảm nhẹ so với mức kế hoạch năm 2018. Về kế hoạch hoạt động kinh doanh cụ thể cho năm 2019, Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên năm 2019 để thông qua.

13.2. Cơ sở thực hiện kế hoạch

✦ Giải pháp về thực hiện trong sản xuất chăn nuôi

- Tăng cường công tác vệ sinh phòng chống dịch bệnh trên đàn heo, sàng lọc heo nái, heo nọc già, hậu bị, heo con kém chất lượng để giảm bớt chi phí trong sản xuất chăn nuôi.
- Bộ phận kỹ thuật thường xuyên cập nhật kiến thức cải tiến, nâng cao chất lượng heo con giống, heo thịt đây là mục tiêu chính nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng tốt, đạt hiệu quả kinh tế quả cao, đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của thị trường.
- Tăng cường sản xuất cám TAGS tự trộn để giảm chi phí trong sản xuất nhưng đảm bảo chất lượng cám cho đàn heo phát triển.

✦ Giải pháp về khâu tiêu thụ sản phẩm

- Tăng cường đội ngũ tiếp thị năng động trong việc tiêu thụ sản phẩm trên thị trường trong nước tại các vùng chăn nuôi trọng điểm, các chợ đầu mối và mở rộng ra các tỉnh miền Bắc, từ đó đề ra các chiến lược kinh doanh lâu dài nhằm nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm của công ty trên thị trường.
- Ký hợp đồng với các đối tác khách hàng liên kết mua, bán tiêu thụ sản phẩm của hai bên lâu dài.

✦ Thực hiện tiết kiệm và quản lý chi tiêu

- Công ty thực hiện triệt để tiết kiệm trong mọi chi phí chi tiêu nội bộ từ Ban giám đốc cho đến từng công nhân lao động, chống lãng phí trong mọi hoạt động SXKD của đơn vị.
- Ban Giám đốc cùng bộ phận nghiệp vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát mọi chi phí đầu vào, đầu ra tại các cơ sở sản xuất, đôn đốc các cơ sở sản xuất thực hiện đúng các quy trình KTKT sử dụng khẩu phần TAGS, thuốc thú y tránh lãng phí nhằm làm giảm chi phí chăn nuôi thấp nhất cho đơn vị.

✦ Giải pháp về đầu tư

- Tiếp tục xây dựng tiếp hệ thống xử lý nước thải tại trại Dolico Xuân Thành.
- Triển khai tiếp các thủ tục pháp lý đầu tư dự án khu dân cư Dolico tại xã Thạnh Phú - huyện Vĩnh Cửu tỉnh Đồng Nai.

13.3. Kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2018

Trong 6 tháng đầu năm 2018, doanh thu thuần lũy kế của Công ty đạt mức 89,94 tỷ đồng, hoàn thành 63,11% kế hoạch năm 2018 được ĐHCĐ ngày 03/10/2018 thông qua. Ngoài ra, do việc kiểm soát hiệu quả chi phí hoạt động (chủ yếu là giá vốn hàng bán) nên lợi nhuận

sau thuế nửa đầu năm 2018 của Công ty đạt giá trị 8,51 tỷ đồng chiếm tỷ lệ 9,47% doanh thu thuần, đồng thời hoàn thành 85,14% kế hoạch năm 2018 được ĐHĐCĐ ngày 03/10/2018 thông qua.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch
Không có.

15. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

- Tiếp tục giữ vững mảng sản xuất kinh doanh truyền thống, tập trung tất cả nguồn lực để nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Cơ cấu và phát triển các dự án phù hợp với nguồn lực hiện có của Công ty trên cơ sở ưu tiên các dự án phát huy hiệu quả nhanh về doanh thu và lợi nhuận; tìm đối tác để hợp tác phát triển các dự án có nhu cầu vốn lớn và thu hồi lại vốn.
- Xây dựng chiến lược phát triển Công ty phù hợp với môi trường và quy mô đàn heo của Công ty trong bối cảnh thị trường cạnh tranh khốc liệt.
- Thực hiện đổi mới quản trị để nâng cao sản lượng, chất lượng và hiệu quả điều hành để đạt được mục tiêu chính về sản xuất kinh doanh.

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty
Không có.

17. Các thông tin có thể ảnh hưởng đến giá giao dịch của cổ phiếu

Giá tham chiếu cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định là 26.800 đồng/cổ phần.

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 03/10/2018 đã thông qua tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền là 100% mệnh giá (thời gian thực hiện dự kiến trong tháng 11/2018). Do đó, sau thời điểm chi trả cổ tức, giá trị cổ phiếu của Công ty có thể được điều chỉnh giảm tương ứng với giá trị cổ tức đã chia cho cổ đông là 10.000 đồng/cổ phần, giá giao dịch dự kiến sau khi chi trả cổ tức là 16.800 đồng/cổ phần.

III. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Stt	Họ tên	Chức vụ
Hội đồng quản trị		
1	Ông Phùng Khôi Phục	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Diên Tường	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
3	Ông Trần Minh Phương	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Stt	Họ tên	Chức vụ
4	Ông Lâm Hùng Phương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc
5	Bà Lê Thị Khánh Xương	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

1	Ông Đinh Ngọc Mến	Trưởng BKS
2	Bà Trần Thị Vũ Hậu	Thành viên BKS
3	Bà Ngô Thị Cẩm Hà	Thành viên BKS

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

1	Ông Nguyễn Diên Tường	Giám đốc
2	Ông Lâm Hùng Phương	Phó Giám đốc
3	Ông Trần Minh Phương	Kế toán trưởng

1. Hội đồng quản trị

1.1. Ông Phùng Khôi Phục - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: Phùng Khôi Phục
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 01/02/1959
 Nơi sinh: Phong Mỹ, Giồng Trôm, Bến Tre
 CMND: 271182519
 Quốc tịch: Việt Nam
 Địa chỉ thường trú: 88/9 Đặng Đức Thuật, KP6, P.Tam Hiệp, Biên Hòa, Đồng Nai
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Sinh học

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ 05/1979 - 09/1982	Sở Nông Nghiệp Đồng Nai - Chuyên viên
+ 10/1982 - 05/1994	Công ty Chăn nuôi Đồng Nai - Chuyên viên
+ 06/1994 - 01/2002	Công ty Chăn nuôi Đồng Nai - Phó giám đốc
+ 02/2002 - 08/2005	Công ty Chăn nuôi Đồng Nai - Giám đốc
+ 09/2005 - 04/2007	CTCP Nông súc sản Đồng Nai - Chủ tịch HĐQT, Giám đốc

+ 05/2007 đến nay	CTCP Nông súc sản Đồng Nai – Chủ tịch HĐQT
	Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai - Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ công tác tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng Giám đốc tại Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai

Số CP nắm giữ tại ngày 30/07/2018: 2.654.142 cổ phiếu, chiếm 25,86% Vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu (DOFICO): 2.654.142 cổ phiếu, chiếm 25,86% Vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

1.2. Ông Nguyễn Diên Tường – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Diên Tường

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/02/1962

Nơi sinh: Thủy Dương, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế

CMND: 270713706, ngày cấp: 27/10/2004, nơi cấp: CA.Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 230/14- KP 1 - P. Tân Hiệp - Biên Hòa- Đồng Nai

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế kỹ thuật

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 03/1982 – 05/1994	Công ty Chăn nuôi Đồng Nai – Cán bộ
+ 06/1994 – 08/2005	Công ty Chăn nuôi Đồng Nai – Phó Giám đốc
+ 09/2005 – 04/2007	Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai - Phó Giám đốc
+ 05/2007 đến nay	Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Chức vụ công tác tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

- Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
- Số CP nắm giữ tại ngày 30/07/2018: 1.513.400 cổ phiếu, chiếm 14,74% Vốn điều lệ.
- + Đại diện sở hữu (DOFICO): 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61% Vốn điều lệ.
- + Cá nhân sở hữu: 13.400 cổ phiếu, chiếm 0,13% Vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu CP người liên quan: : 38.000 cổ phiếu
- + Vợ: Nguyễn Thị Nga : 29.000 cổ phiếu, chiếm 0,28% vốn điều lệ
(CMND số: 270012362 cấp ngày 09/03/2011, nơi cấp: C.A Đồng Nai)
- + Con: Nguyễn Thị Kim Anh : 5.000 cổ phiếu, chiếm 0,05% vốn điều lệ
(CMND số: 026056448 cấp ngày 19/05/2015, nơi cấp: C.A TP.HCM)
- + Con: Nguyễn Diên Anh Khoa : 4.000 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ
(CMND số: 272144675 cấp ngày 01/03/2016, nơi cấp: C.A Đồng Nai)
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

1.3. Ông Trần Minh Phương – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

- Họ và tên: Trần Minh Phương
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 16/12/1963
- Nơi sinh: Phường Bến Thủy, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- CMND: 271062100, ngày cấp: 25/09/2015, nơi cấp: CA. Đồng Nai
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú: 240/9 Tổ 1 - KP I - P. Tân Hiệp – Biên Hòa, Đồng Nai
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ 08/1984 - 09/1987	Công ty kinh doanh lương thực tỉnh Đồng Nai - Nhân viên
+ 10/1987 - 08/2005	Công ty Chăn nuôi Đồng Nai – Nhân viên kế toán
+ 09/2005 - 09/2006	CTCP Nông súc sản Đồng Nai - Kế toán tổng hợp
+ 10/2006 đến nay	CTCP Nông Súc Sản Đồng Nai - Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
 Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có
 Số CP nắm giữ tại ngày 30/07/2018: 1.567.800 cổ phiếu, chiếm 15,27% vốn điều lệ
 + Đại diện sở hữu (DOFICO): 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61% vốn điều lệ.
 + Cá nhân sở hữu: 67.800 cổ phiếu, chiếm 0,66% vốn điều lệ
 Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: 19. 200 cổ phiếu
 + Vợ: Lê Thị Lý : 10.800 cổ phiếu, chiếm 0,11% vốn điều lệ
 (CMND số: 271712554 cấp ngày 24/06/2016, nơi cấp: C.A Đồng Nai)
 + Con: Trần Minh Hoàng : 1.000 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ
 (CMND số: 272144674 cấp ngày 14/06/2007, nơi cấp: C.A Đồng Nai)
 + Con: Trần Minh Tiến : 1.000 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ
 (CMND số: 272547249 cấp ngày 03/07/2012, nơi cấp: C.A Đồng Nai)
 + Em trai: Trần Minh Nam : 6.400 cổ phiếu, chiếm 0,06% vốn điều lệ
 (CMND số: 271870446 cấp ngày 01/04/2004, nơi cấp: C.A Đồng Nai)
 Những khoản nợ đối với Công ty: Không có
 Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Không có

1.4. Ông Lâm Hùng Phương – Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc

Họ và tên: Lâm Hùng Phương
 Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 15/08/1958
 Nơi sinh: P.Thuận Các, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
 CMND: 270022672, ngày cấp: 15/03/2008, nơi cấp: CA. Đồng Nai.
 Quốc tịch: Việt Nam
 Địa chỉ thường trú: F43 - Đường D3 Võ Thị Sáu, KP 7 - P. Thống Nhất - Biên Hòa - Đồng Nai
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế kế hoạch
 Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ 03/1978 - 03/1997	Công tác tại Tỉnh Đoàn Đồng Nai

+ 04/1997 - 08/2005	Công ty Chăn nuôi Đồng Nai – Trưởng phòng Kinh doanh Tổng hợp
+ 09/2005 – 05/2007	Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai – Trưởng phòng Kinh doanh Tổng hợp
+ 06/2007 đến nay	Công ty Cổ phần Nông Súc Sản Đồng Nai - Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám Đốc

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám Đốc

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ tại ngày 30/07/2018: 35.600 cổ phiếu, chiếm 0,35% vốn điều

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 35.600 cổ phiếu, chiếm 0,35% vốn điều

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan:

+ Vợ: Ngô Thị Kim Hưng 6.000 cổ phiếu, chiếm 0,06% vốn điều lệ

(CMND số: 271320367 cấp ngày 04/03/2010, nơi cấp: C.A Đồng Nai)

+ Con: Lâm Bảo Hà 2.000 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ

(CMND số: 272433536 cấp ngày 01/06/2012, nơi cấp: C.A Đồng Nai)

+ Con: Lâm Bảo Thy 2.000 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ

(CMND số: 272740872 cấp ngày 03/02/2015, nơi cấp: C.A Đồng Nai)

+ Em trai: Lâm Thành Kim Sơn 3.000 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ

(CMND số: 271306519 cấp ngày 21/08/2007, nơi cấp: C.A Đồng Nai)

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

1.5. Bà Lê Thị Khánh Xương – Thành viên HĐQT

Họ và tên: Lê Thị Khánh Xương

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 15/11/1955

Nơi sinh: xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

CMND: 023006959, cấp ngày 08/06/2008, nơi cấp: CA. TP.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: 64 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, Quận 1,TPHCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 04/1985 đến nay	Công ty phát triển kinh tế Duyên Hải TP Hồ Chí Minh – Phó Giám đốc
+ 09/2005 đến nay	CTCP Nông súc sản Đồng Nai – Thành viên HĐQT

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên HĐQT

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Giám đốc Công ty phát triển kinh tế Duyên Hải TP Hồ Chí Minh

Số CP nắm giữ tại ngày 30/07/2018: 810.000 cổ phiếu, chiếm 7,89% vốn điều lệ.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 810.000 cổ phiếu, chiếm 7,89% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Không có

2. Ban kiểm soát

2.1. Ông Đinh Ngọc Mến – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: Đinh Ngọc Mến

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 09/01/1976

Nơi sinh: Thái Bình

CMND: 272662895, cấp ngày 20/03/2014, nơi cấp: CA. Đồng Nai

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Ấp Vườn Dừa, Phước Tân, Biên Hòa, Đồng Nai

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 04/2004 - 09/2005	Công ty Chăn nuôi Đồng Nai – Thủ kho
+ 10/2005 – 05/2016	CTCP Nông súc sản Đồng Nai – Thành viên Ban kiểm soát
+ 06/2016 đến nay	CTCP Nông súc sản Đồng Nai – Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ công tác tại Công ty: Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Số CP nắm giữ tại ngày 30/07/2018: 3.400 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% Vốn điều lệ.

+ Cá nhân sở hữu: 3.400 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan:

+ Vợ: Lê Thị Mơ 3.000 cổ phiếu, chiếm 0,03% vốn điều lệ.

(CMND số 272662906 cấp ngày 21/03/2014, nơi cấp: C.A Đồng Nai)

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không có

2.2. Bà Trần Thị Vũ Hậu – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: Trần Thị Vũ Hậu

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 07/6/1986

Nơi sinh: TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

CMND: 271862883

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Số 69, đường 30/4, P.Thanh Bình, TP.Biên Hòa, Đồng Nai

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

<u>Thời gian</u>	<u>Nơi làm việc - Chức vụ</u>
+ 02/2009 đến nay	Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai - Phó phụ trách phòng Nghiên cứu chiến lược phát triển sản phẩm
+ 09/2009 đến nay	Công ty Cổ phần Nông súc sản Đồng Nai – Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ công tác tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Phó phụ trách phòng Nghiên cứu chiến lược phát triển sản phẩm của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.

Số CP nắm giữ tại ngày 30/07/2018: 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61% vốn điều lệ

+ Đại diện sở hữu (DOFICO): 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan: Không có

Những khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thủ lao và các khoản lợi ích khác: Không có

2.3. Bà Ngô Thị Cẩm Hà – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: Ngô Thị Cẩm Hà

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 09/03/1986

Nơi sinh: TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

CMND: 271812976

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ thường trú: Số 1A/4, Khu phố 2, P.Tân Mai, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc - Chức vụ
+ 03/2010 đến nay	Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai - Chuyên viên phòng Kiểm toán nội bộ
+ 03/2010 đến nay	CTCP Nông sản Đồng Nai – Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ công tác tại Công ty:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:	Chuyên viên phòng Kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai
Số CP nắm giữ tại ngày 30/07/2018:	1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61% vốn điều lệ.
+ Đại diện sở hữu (DOFICO):	1.500.000 cổ phiếu, chiếm 14,61% % vốn điều lệ.
+ Cá nhân sở hữu:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu CP của người liên quan:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Thù lao và các khoản lợi ích khác:	Không có

3. Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

3.1. Ông Nguyễn Diên Tường – Giám đốc: xem mục III-1-1.2.

3.2. Ông Lâm Hùng Phương - Phó Giám đốc: xem mục III-1-1.4.

3.3. Ông Trần Minh Phương – Kế toán trưởng: xem mục III-1-1.3.

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Trong năm 2018, Công ty đã đặt ra các kế hoạch và định hướng để tăng cường hoạt động quản trị tại Công ty như sau:

- Giám sát HĐQT, BGD trong việc quản lý và điều hành Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật và quy định Công ty.
- Giám sát HĐQT, BGD trong việc ban hành và triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT, tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh và các dự án đầu tư đã được ĐHCĐ phê chuẩn.
- Trong năm 2018, BKS sẽ tiếp tục cải thiện các quy trình làm việc cũng như thực hiện các hoạt động giám sát thông qua các hoạt động trực tiếp của các thành viên BKS để đảm bảo tính tuân thủ trong hoạt động của HĐQT và BGD.

- BKS sẽ phối hợp chặt chẽ với ban quản lý điều hành Công ty để có những giải pháp đề xuất thích hợp và kịp thời góp phần vào sự phát triển kinh doanh và nâng cao khả năng quản trị của Công ty, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

IV. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
2. Phụ lục II: BCTC kiểm toán năm 2017 và BCTC 6 tháng năm 2018.



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SỨC SẢN ĐỒNG NAI

Đồng Nai, ngày 18 tháng 10 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG SỨC SẢN ĐỒNG NAI

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



NGUYỄN DIÊN TƯỜNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN RỒNG VIỆT



NGUYỄN HIẾU

